

Số: 40/2023/TT-BCT

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

THÔNG TƯ

BAN HÀNH QUY CHẾ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG
CỦA ỦY BAN CẠNH TRANH QUỐC GIA

Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

Điều 1. Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia

Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế tổ chức, hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

2. Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Lãnh đạo Bộ, đơn vị thuộc Bộ;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Lưu: VT, CT.

BỘ TRƯỞNG**Nguyễn Hồng Diên**

QUY CHẾ

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN CẠNH TRANH QUỐC GIA (Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về vụ việc hạn chế cạnh tranh, bao gồm: xử lý vụ việc, giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc, tham gia tố tụng hành chính và các hoạt động khác có liên quan.

2. Các quy định về cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia gồm: các thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia; bộ máy giúp việc Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia thực hiện chức năng tố tụng cạnh tranh, kiểm soát tập trung kinh tế, quyết định việc miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm, giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh và thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp thực hiện theo quy định Luật Cạnh tranh, Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia và các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

3. Các hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo các quy định hiện hành và Quy chế làm việc do Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia ban hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh, người tiến hành tố tụng cạnh tranh, người tham gia tố tụng cạnh tranh, tổ chức, cá nhân liên quan trong vụ việc hạn chế cạnh tranh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

Chương II

XỬ LÝ VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH

Điều 3. Chuyển và tiếp nhận báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành kết luận điều tra vụ việc cạnh tranh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh thực hiện chuyển báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh đến Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh giao nhận bao gồm 01 bộ gốc và 02 bản sao có đóng dấu của Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh. Sau khi giao nhận, bộ gốc được niêm phong để đối chiếu, sử dụng khi cần thiết.

3. Việc giao nhận báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh phải được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 4. Bảo quản báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh

Ban Thư ký các Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh có trách nhiệm bảo quản báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thành lập Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia ra quyết định thành lập Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh thay mặt Hội đồng ký các quyết định, văn bản tố tụng cạnh tranh. Các quyết định, văn bản tố tụng cạnh tranh được đóng dấu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

2. Thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có nghĩa vụ từ chối tham gia Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh theo quy định tại Điều 65 Luật Cạnh tranh. Khi tham gia Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, các thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh cam kết theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, Ban Thư ký các Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh có trách nhiệm chuyển báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh cho các thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh. Việc giao nhận được lập thành biên bản giao nhận tài liệu theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh

Thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh theo các hình thức quy định tại Điều 7 Quy chế này.

2. Nghiên cứu tài liệu, báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh để tham gia thảo luận, biểu quyết tại các phiên họp của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh. Ý kiến thảo luận tại phiên họp có thể được gửi bằng văn bản trước phiên họp, trừ phiên họp phải có ý kiến biểu quyết.

3. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia hỗ trợ về thông tin, tài liệu phục vụ việc xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này bằng văn bản theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 7. Họp Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh

1. Trong quá trình xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh có trách nhiệm triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh để thảo luận và biểu quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh tại khoản 1 Điều 61 Luật Cạnh tranh.

2. Nguyên tắc tiến hành họp Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh

a) Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh triệu tập các thành viên Hội đồng tham dự phiên họp theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Trường hợp phiên họp Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh không có nội dung cần biểu quyết, Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh quyết định hình thức họp gồm: trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp. Trường hợp thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh không thể tham dự họp trực tiếp thì có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản tới Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh trước cuộc họp. Ý kiến của thành viên không tham dự trực tiếp phải được đọc tại cuộc họp của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh và được ghi vào biên bản cuộc họp;

c) Trường hợp phiên họp Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh có nội dung cần biểu quyết, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh tiến hành phiên họp bằng hình thức trực tiếp.

3. Nguyên tắc thông qua kết luận cuộc họp

Thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh ký Biên bản cuộc họp khi có đa số ý kiến của các thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh nhất trí với nội dung kết luận cuộc họp. Các ý kiến khác được bảo lưu tại biên bản cuộc họp.

4. Nội dung kết quả cuộc họp của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh được ghi biên bản theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 8. Yêu cầu điều tra bổ sung vụ việc hạn chế cạnh tranh

Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh quyết định yêu cầu Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh tiến hành điều tra bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Cạnh tranh theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 9. Giải quyết vụ việc hạn chế cạnh tranh

1. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày được thành lập hoặc kể từ ngày nhận được báo cáo điều tra và kết luận điều tra bổ sung trong trường hợp điều tra bổ sung, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh phải ban hành một trong các quyết định sau:

a) Quyết định đình chỉ giải quyết vụ việc cạnh tranh (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này);

b) Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này).

2. Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh được ban hành dựa trên kết quả biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín của tất cả thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh theo nguyên tắc đa số.

3. Kết quả bỏ phiếu của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh phải được lập thành biên bản theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 10. Chỉ định thư ký phiên điều trần

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh ra quyết định mở phiên điều trần, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quyết định chỉ định thư ký phiên điều trần cho một vụ việc cạnh tranh cụ thể theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của thư ký phiên điều trần được thực hiện theo quy định tại Điều 64 Luật Cạnh tranh.

Điều 11. Tổ chức phiên điều trần

1. Phiên điều trần tổ chức theo quy định tại Điều 93 Luật Cạnh tranh. Quyết định mở phiên điều trần được quy định tại Mẫu 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh triệu tập người tham gia phiên điều trần theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Trình tự, nội dung phiên điều trần được thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật Cạnh tranh và được Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh thông qua trước khi tiến hành phiên điều trần.

4. Trong trường hợp phải hoãn phiên điều trần theo quy định tại Điều 65, Điều 74 Luật Cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh ra quyết định hoãn phiên điều trần theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

5. Biên bản phiên điều trần được thư ký phiên điều trần ghi lại theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 12. Thay đổi người tiến hành tố tụng cạnh tranh

Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quyết định thay đổi thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, thư ký phiên điều trần theo quy định tại Điều 65 Luật Cạnh tranh (Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này).

Điều 13. Trưng cầu, thay đổi người giám định, người phiên dịch

1. Quyết định trưng cầu giám định được thực hiện theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Việc thay đổi người giám định, người phiên dịch được thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật Cạnh tranh theo Mẫu số 19 và Mẫu số 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Chương III

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VỤ VIỆC CẠNH TRANH VÀ THAM GIA TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH

Điều 14. Thụ lý đơn khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia xem xét tính phù hợp với quy định tại Điều 96 và Điều 97 Luật Cạnh tranh. Thông báo thụ lý đơn khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo Mẫu số 21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Trường hợp không thụ lý giải quyết, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho người khiếu nại và các bên liên quan theo Mẫu số 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 15. Trình tự giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đơn khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia thành lập Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh và giải quyết khiếu nại theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 100 Luật Cạnh tranh. Quyết định thành lập Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh được lập theo Mẫu số 23 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có trách nhiệm chuyển các tài liệu liên quan đến quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh cho các thành viên Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

3. Thành viên Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu liên quan đến quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng, tham gia tổ tụng hành chính theo phân công của Chủ tịch Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thành lập, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo Điều 101 Luật Cạnh tranh.

5. Quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh được lập theo Mẫu số 24 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Chủ tịch Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh thay mặt Hội đồng ký các quyết định, văn bản tổ tụng cạnh tranh. Các quyết định, văn bản tổ tụng cạnh tranh được đóng dấu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

6. Việc ra quyết định giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 100 Luật Cạnh tranh.

7. Trường hợp phức tạp, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quyết định gia hạn thời hạn giải quyết khiếu nại theo Mẫu số 25 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 16. Chỉ định đại diện tham gia tổ tụng hành chính

1. Chủ tịch Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh chỉ định ít nhất 01 thành viên của Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh tham gia tổ tụng hành chính.

2. Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có thể thuê chuyên gia tư vấn và luật sư tranh tụng để bảo vệ quan điểm của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trước tòa.

3. Đại diện Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia tham gia tổ tụng hành chính có quyền yêu cầu tham vấn với các tổ chức, cá nhân liên quan, các thành viên khác của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia và đề nghị Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có biện pháp hỗ trợ trong quá trình tham gia tổ tụng hành chính./.

PHỤ LỤC

CÁC MẪU VĂN BẢN TỔ TỤNG CẠNH TRANH

(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức, hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia)

Mẫu số 01	Biên bản giao nhận kết luận điều tra, báo cáo điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh
Mẫu số 02	Quyết định thành lập Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh
Mẫu số 03	Bản cam kết của thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh
Mẫu số 04	Biên bản giao nhận tài liệu vụ việc cạnh tranh
Mẫu số 05	Phiếu đề nghị cung cấp thông tin
Mẫu số 06	Giấy triệu tập tham dự cuộc họp
Mẫu số 07	Biên bản họp Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh
Mẫu số 08	Quyết định yêu cầu điều tra bổ sung vụ việc hạn chế cạnh tranh
Mẫu số 09	Quyết định đình chỉ giải quyết vụ việc cạnh tranh
Mẫu số 10	Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh
Mẫu số 11	Biên bản biểu quyết của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh
Mẫu số 12	Quyết định chỉ định thư ký phiên điều trần
Mẫu số 13	Quyết định mở phiên điều trần
Mẫu số 14	Giấy triệu tập
Mẫu số 15	Quyết định hoãn phiên điều trần
Mẫu số 16	Biên bản phiên điều trần
Mẫu số 17	Quyết định thay đổi thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh / thư ký phiên điều trần
Mẫu số 18	Quyết định trưng cầu giám định
Mẫu số 19	Quyết định thay đổi người giám định
Mẫu số 20	Quyết định thay đổi người phiên dịch
Mẫu số 21	Thông báo thụ lý Đơn khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh
Mẫu số 22	Thông báo không thụ lý giải quyết Đơn khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh
Mẫu số 23	Quyết định thành lập Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh
Mẫu số 24	Quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh
Mẫu số 25	Quyết định gia hạn thời hạn giải quyết khiếu nại

MẪU SỐ 01

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN KẾT LUẬN ĐIỀU TRA, BÁO CÁO ĐIỀU TRA VÀ
HỒ SƠ VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH**

**ỦY BAN CẠNH TRANH
QUỐC GIA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN KẾT LUẬN ĐIỀU TRA, BÁO CÁO ĐIỀU TRA VÀ
HỒ SƠ VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH MÃ SỐ.....**

Căn cứ khoản 2 Điều 62 của Luật Cạnh tranh và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Vào hồi.... giờ.... ngày tháng.... năm....., tại....., chúng tôi gồm:

1. Bên giao: Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh

Đại diện: 1. Ông/ Bà:

Chức vụ:

2. Ông/ Bà:

Chức vụ:

2. Bên nhận: Ban Thư ký các Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh

Đại diện: 1. Ông/ Bà:

Chức vụ:

2. Ông/ Bà:

Chức vụ:

Tiến hành giao, nhận kết luận điều tra, báo cáo điều tra, hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh mã số như sau:

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Kết luận điều tra vụ việc cạnh tranh mã số..... ngày...tháng...năm.....	03 bản	01 Bản gốc, 02 bản sao có đóng dấu treo
2	Báo cáo điều tra vụ việc cạnh tranh mã số..... ngày...tháng...năm.....	03 bản	01 Bản gốc, 02 bản sao có đóng dấu treo
3	Hồ sơ vụ việc cạnh tranh mã số.....		
3.1	Tài liệu bản cứng	03 bản	01 Bản gốc, 02 bản sao gồm quyển có đóng dấu giáp lai (theo

			Danh mục Bút lục chi tiết đính kèm)
3.2	Tài liệu bản mềm		
3.3	Vật chứng khác		

Hai bên đã kiểm tra và giao nhận đầy đủ báo cáo điều tra, kết luận điều tra, hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh nêu trên.

Việc giao nhận kết thúc vào hồi giờ ngày tháng năm.....

Biên bản này gồm ... trang, được lập thành ... bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ ... bản, bản đưa vào hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh./.

Đại diện Bên giao
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Bên nhận
(Ký, ghi rõ họ tên)

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

MẪU SỐ 02

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG
XỬ LÝ VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH

BỘ CÔNG THƯƠNG
ỦY BAN CẠNH TRANH
QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-CT

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh

CHỦ TỊCH ỦY BAN CẠNH TRANH QUỐC GIA

Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;

Trên cơ sở kết luận điều tra, báo cáo điều tra và hồ sơ vụ việc cạnh tranh mã số của Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh tiếp nhận ngày.... thángnăm...¹;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Thư ký các Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh gồm².... thành viên, bao gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông/Bà³....., Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh.

2. Ông/Bà:....., thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh.

3. Ông/Bà:....., thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh.

Để xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh mã số theo báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh của Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh liên quan đến: ⁴

1. Bên khiếu nại (nếu có)

2. Bên bị điều tra

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có)

Điều 2. Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh chấm dứt hoạt động và tự động giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) có tên nêu tại Điều 1, các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TK, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ngày tháng ghi trên Biên bản giao nhận hồ sơ vụ việc cạnh tranh giữa Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh và Ban Thư ký các Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh

² Ghi số lượng 03 hoặc 05 thành viên tham gia Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh

³ Ghi họ tên

⁴ Ghi đầy đủ tên tổ chức hoặc cá nhân, trụ sở tổ chức hoặc nơi thường trú của cá nhân, mã số doanh nghiệp hoặc số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân/căn cước công dân của cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức

MẪU SỐ 03

**BẢN CAM KẾT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XỬ LÝ VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH**

**ỦY BAN CẠNH TRANH
QUỐC GIA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...., ngày ... tháng ... năm ...

**BẢN CAM KẾT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XỬ LÝ VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH**

Căn cứ Điều 65 Luật Cạnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;

Tôi¹

Là thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh mã số

Cam kết:

1. Không là người thân thích với bên khiếu nại hoặc bên bị điều tra.
2. Không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
3. Khách quan khi thực hiện nhiệm vụ.

Trong việc xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh mã số².....

NGƯỜI CAM KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Ghi rõ họ tên

² Ghi mã số vụ việc

MẪU SỐ 04

BIÊN BẢN GIAO NHẬN TÀI LIỆU VỤ VIỆC CẠNH TRANH

ỦY BAN CẠNH TRANH
QUỐC GIA
BAN THƯ KÝ CÁC HỘI ĐỒNG
XỬ LÝ VỤ VIỆC CẠNH TRANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN TÀI LIỆU VỤ VIỆC CẠNH TRANH MÃ
SỐ.....

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....phút ngày tháng năm tại:
Chúng tôi gồm:

1. Bên giao: Ban Thư ký các Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia

Đại diện: 1. Ông/ Bà:

Chức vụ:

2. Ông/ Bà:

Chức vụ:

2. Bên nhận: Ông/ Bà:

Chức vụ:

Là thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh mã số

.....

Hai bên thống nhất giao nhận các hồ sơ vụ việc như sau:

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Kết luận điều tra vụ việc cạnh tranh mã số.....	01 bản	01 Bản sao
2	Báo cáo điều tra vụ việc cạnh tranh mã số.....	01 bản	01 Bản sao
3	Hồ sơ vụ việc cạnh tranh mã số.....	01 bản	01 Bản sao (theo danh mục bút lục đính kèm)

- Hai bên đã kiểm tra và giao nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu nêu trên. Biên bản này được lập thành ... bản, mỗi bên giữ ... bản.

- Thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh có nghĩa vụ bảo quản và bảo mật các hồ sơ, tài liệu nêu trên theo quy định của pháp luật./.

Đại diện Bên giao
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Bên nhận
(Ký, ghi rõ họ tên)

MẪU SỐ 05

PHIẾU ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng....năm.....

PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN

(Dành cho thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh)

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia

1. Họ, tên:

2. Chức vụ:

Thành viên Hội đồng Xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh mã số:

3. Số di động; E-mail:

4. Tên văn bản/hồ sơ/tài liệu yêu cầu cung cấp:

.....

.....

5. Mục đích yêu cầu cung cấp thông tin:

.....

.....

6. Yêu cầu cung cấp thông tin này lần thứ:

a) Lần đầu

b) Khác:(ghi rõ số lần đã yêu cầu cung cấp thông tin có nội dung nêu trên)

7. Số lượng bản in, sao, chụp văn bản, hồ sơ, tài liệu:.....

8. Phương thức nhận văn bản, hồ sơ, tài liệu:

☐ Nhận tại nơi yêu cầu cung cấp thông tin

☐ Nhận qua bưu điện (ghi rõ địa chỉ nhận)

.....

☐ Nhận qua mạng điện tử (ghi rõ địa chỉ nhận):

☐ Hình thức khác (ghi rõ):

9. Văn bản kèm theo (trong trường hợp tiếp cận thông tin có điều kiện):

.....

.....

.....

.....

NGƯỜI YÊU CẦU
(Ký, ghi rõ họ tên)



MẪU SỐ 06

GIẤY TRIỆU TẬP THAM DỰ CUỘC HỌP

ỦY BAN CẠNH TRANH
QUỐC GIA
HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC
HẠN CHẾ CẠNH TRANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GTT-HĐXL

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm ...

GIẤY TRIỆU TẬP THAM DỰ CUỘC HỌP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH

Triệu tập: Ông (Bà):
tham dự cuộc họp Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh mã số:

1. Thời gian, địa điểm:

- Thời gian: ... giờ ... ngày ... tháng ... năm
- Địa điểm:

2. Thành phần:

- Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh.
-

3. Nội dung họp

.....
.....

4. Hình thức họp:

5. Biểu quyết tại cuộc họp: Có ☐ Không ☐

Đề nghị Ông/Bà xác nhận tham dự với Ông/Bà
qua số điện thoại trước ngày.....tháng.....năm.....

Tài liệu gửi kèm theo (nếu có):

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: TK, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC
HẠN CHẾ CẠNH TRANH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

MẪU SỐ 07

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH

HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC
HẠN CHẾ CẠNH TRANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm ...

BIÊN BẢN HỌP¹

HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH

Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh;

Căn cứ Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh;

Vào hồi....giờ....ngày.... tháng.... năm...., tại,
Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh đã tiến hành thảo luận đối với vụ việc cạnh tranh mã số

I. THÀNH PHẦN

Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh:

Các thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh:

1.
2.
3.

Thư ký cuộc họp (nếu có):

1.

II. NỘI DUNG

1.
2.
3.

III. BIỂU QUYẾT (NẾU CÓ)

1. Về vấn đề 1:

Kết quả biểu quyết (nếu có): Đồng ý: / ; Không đồng ý: / .

Ý kiến bảo lưu:

Nội dung được thông qua:

2. Về vấn đề 2:

Kết quả biểu quyết (nếu có): Đồng ý: / ; Không đồng ý: / .

Ý kiến bảo lưu:

Nội dung được thông qua:

3. Về vấn đề 3:

Kết quả biểu quyết (nếu có): Đồng ý: / ; Không đồng ý: / .

Ý kiến bảo lưu:

Nội dung được thông qua:

IV. KẾT LUẬN:

Trên cơ sở các chứng cứ và tài liệu đã được thảo luận, sau khi xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, bên khiếu nại, bên bị điều tra và những người tham gia tố tụng cạnh tranh khác, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh đã tiến hành thảo luận, biểu quyết (nếu có) và kết luận như sau:

.....
.....

Cuộc họp kết thúc vào hồi ... giờ...phút ngày.... tháng.... năm..., nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thông qua và cùng ký vào Biên bản. Biên bản này được các thành viên nhất trí thông qua và có hiệu lực từ ngày ký./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG XỬ LÝ
VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XỬ
LÝ VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH**

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Có thể bao gồm hình thức họp kín

MẪU SỐ 08

**QUYẾT ĐỊNH YÊU CẦU ĐIỀU TRA BỔ SUNG
VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH**

**ỦY BAN CẠNH TRANH
QUỐC GIA
HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC
HẠN CHẾ CẠNH TRANH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-HĐXL

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Yêu cầu điều tra bổ sung vụ việc hạn chế cạnh tranh

HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH

Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh;

Căn cứ Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-CT ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về việc thành lập Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh;¹

Căn cứ²

Trên cơ sở kết luận điều tra, báo cáo điều tra và hồ sơ vụ việc cạnh tranh mã số

Theo Biên bản họp của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh ngày

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Yêu cầu Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh điều tra bổ sung vụ việc cạnh tranh mã số theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Cạnh tranh.

Nội dung yêu cầu điều tra bổ sung³:

.....
.....
.....
.....

Điều 2. Thời hạn điều tra bổ sung là 60 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày

Điều 4. Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, (các) tổ chức, cá nhân có tên nêu tại Điều 1 và các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thành viên HĐXLVVHCCT;
- CQĐT;
- Lưu: VT, TK, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC
HẠN CHẾ CẠNH TRANH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Số và ngày tháng năm ban hành quyết định thành lập Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh

² Quyết định khác trong trường hợp thay đổi thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh (nếu có)

³ Nêu rõ nội dung và lý do yêu cầu điều tra bổ sung

MẪU SỐ 09

QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC CẠNH TRANH

ỦY BAN CẠNH TRANH
QUỐC GIA
**HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC
HẠN CHẾ CẠNH TRANH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-HĐXL

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Đình chỉ giải quyết vụ việc cạnh tranh

HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH

Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh;

Căn cứ Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số..../QĐ-CT ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về việc thành lập Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh;

Căn cứ Quyết định số..../QĐ-CT ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về việc thay đổi thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh/ thư ký phiên điều trần (nếu có);

Trên cơ sở kết luận điều tra, báo cáo điều tra và hồ sơ vụ việc cạnh tranh mã số ...;

Xét (các) cam kết của bên bị điều tra và/hoặc đề nghị rút đơn khiếu nại của bên khiếu nại;

Theo kết quả biểu quyết của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh tại Biên bản biểu quyết ngày...

Với thành phần gồm có:

1. Ông/Bà....., Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh.
2. Ông/Bà, thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh.
3. Ông/Bà, thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh.

4

5

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ giải quyết vụ việc cạnh tranh mã số theo quy định tại khoản¹..... Điều 92 Luật Cạnh tranh đối với:

1. Bên khiếu nại (nếu có)
2. Bên bị điều tra
3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (nếu có)
- Lý do đình chỉ:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các tổ chức, cá nhân có tên nêu tại Điều 1 và các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Chủ tịch UBCTQG;
- Thành viên HĐXLVHCCT;
- CQĐT;
- Trang TTĐT UBCTQG;
- Lưu: VT, TK, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC
HẠN CHẾ CẠNH TRANH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Tùy từng trường hợp sử dụng các khoản tại Điều 92 Luật Cạnh tranh

MẪU SỐ 10

QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VỤ VIỆC CẠNH TRANH

ỦY BAN CẠNH TRANH
QUỐC GIA
HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC
HẠN CHẾ CẠNH TRANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-HĐXL

Hà Nội, ngày... tháng... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Xử lý vụ việc cạnh tranh mã số....¹

HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH

Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh;

Căn cứ Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh;

Căn cứ Quyết định số ngày... tháng... năm... của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về việc thành lập Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh;

Theo kết quả phiên điều trần từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm....., tại....., dưới hình thức²... theo Quyết định mở phiên điều trần số..... ngày..... tháng..... năm và các thông tin liên quan khác;

Trên cơ sở kết luận điều tra, báo cáo điều tra, hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh mã số....

Các thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh:

1. Ông/ Bà, Chủ tịch.

2. Ông/Bà, thành viên.

3. Ông/Bà, thành viên.

Thư ký phiên điều trần:

Thủ trưởng Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh:

Điều tra viên vụ việc cạnh tranh:

.....
.....

Người giám định (nếu có):

.....

Người phiên dịch (nếu có):

.....

Người làm chứng (nếu có):

.....

Xét các tình tiết của vụ việc hạn chế cạnh tranh có các bên liên quan và nội dung như sau:

I. CÁC BÊN LIÊN QUAN:

1. Bên khiếu nại (nếu có)

Đối với doanh nghiệp/hiệp hội/tổ chức

Tên: (ghi bằng chữ in hoa)

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ liên hệ (nếu khác địa chỉ trụ sở chính)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập/ đăng ký hoạt động; ngày cấp:; nơi cấp:.....³

Đối với cá nhân (nếu có)

Tên: (ghi bằng chữ in hoa)

Số định danh cá nhân/CCCD/CMND/Hộ chiếu:.....; ngày cấp.....;

nơi cấp

Địa chỉ thường trú:

Nơi ở hiện tại: (nếu khác địa chỉ nêu trên)

Người đại diện hợp pháp của bên khiếu nại (nếu có)

Tên (ghi bằng chữ in hoa):

Chức vụ (nếu có):

Địa chỉ:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên khiếu nại (nếu có)

Tên: (ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ:

2. Bên bị điều tra

Đối với doanh nghiệp/ hiệp hội/ tổ chức

Tên: (ghi bằng chữ in hoa)

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ liên hệ (nếu khác địa chỉ trụ sở chính):

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập/ đăng ký hoạt động; ngày cấp:.....; nơi cấp:⁴

Đối với cá nhân (nếu có)

Tên: (ghi bằng chữ in hoa)

Số định danh cá nhân/CCCD/CMND/Hộ chiếu:; ngày cấp ;

nơi cấp

Địa chỉ thường trú:

Nơi ở hiện tại: (nếu khác địa chỉ nêu trên):

Người đại diện hợp pháp của bên bị điều tra

Tên: (ghi bằng chữ in hoa):

Địa chỉ:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên bị điều tra (nếu có)

Tên: (ghi bằng chữ in hoa):

Địa chỉ:

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có)

Đối với doanh nghiệp/hiệp hội/ tổ chức

Tên: (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ liên hệ (nếu khác địa chỉ trụ sở chính):

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập/ đăng ký hoạt động; ngày cấp:.....; nơi cấp:⁵

Đối với cá nhân (nếu có)

Tên: (ghi bằng chữ in hoa):

Số định danh cá nhân/CCCD/CMND/Hộ chiếu:.....; ngày cấp..... ;

nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Nơi ở hiện tại: (nếu khác địa chỉ nêu trên):

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu

có)

Tên: (ghi bằng chữ in hoa):

Địa chỉ:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có)

Tên: (ghi bằng chữ in hoa):

Địa chỉ:

II. TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ VIỆC⁶

.....
.....
.....
.....

III. CÁC PHÂN TÍCH VÀ NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH

(Phân tích chứng cứ xác định hành vi vi phạm/không vi phạm pháp luật về cạnh tranh, điều khoản của Luật Cạnh tranh bị vi phạm, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng, nhận định....)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Theo hồ sơ vụ việc, chứng cứ, tài liệu do các bên cung cấp, kết quả xét hỏi và tranh luận tại phiên điều trần,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với cá nhân/tổ chức và hình thức xử lý như sau (nếu có):

1. Tên: (ghi bằng chữ in hoa):

Đối với doanh nghiệp/ hiệp hội/ tổ chức

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập/ đăng ký hoạt động; ngày cấp:.....; nơi cấp:

Đối với cá nhân (nếu có)

Số định danh cá nhân/CCCD/CMND/Hộ chiếu:.....; ngày cấp ;

nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

2. 7

Với các hình thức xử lý như sau:

Hình thức xử phạt chính⁸:

.....

Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có):

.....

Biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có)⁹:

.....

Điều 2. Không xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với cá nhân/tổ chức sau (nếu có):

1. Tên: (ghi bằng chữ in hoa):

Đối với doanh nghiệp/ hiệp hội/ tổ chức

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập/ đăng ký hoạt động; ngày cấp:.....; nơi cấp:

Đối với cá nhân (nếu có)

Số định danh cá nhân/CCCD/CMND/Hộ chiếu:; ngày cấp ;

nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

2. 10

Điều 3. Nộp tiền phạt (nếu có)

Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải được nộp vào Ngân sách Nhà nước tài khoản số, mã Chương, mã nội dung kinh tế; Cơ quan quản lý thu:; Mã cơ quan ra quyết định xử phạt 11

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Cá nhân/tổ chức quy định tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định này. Sau 15 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu bên phải thi hành không chấp hành Quyết định thì Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia sẽ yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thi hành.

Cá nhân/ doanh nghiệp/ hiệp hội/ tổ chức
có quyền khiếu nại đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền liên quan (nếu có)¹²:

.....

Điều 5. Điều khoản thi hành

Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh có hiệu lực pháp luật từ ngày

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký, Quyết định phải được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức: để chấp hành.

2. Kho bạc Nhà nước để thu tiền phạt.

3. Các cơ quan để tổ chức thi hành.

Quyết định này gồm trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang./.

Nơi nhận:

-;
-;
- Trang TTĐT UBCTQG;
- Lưu: VT, TK, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC
HẠN CHẾ CẠNH TRANH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi mã số vụ việc

² Công khai hoặc kín

³ Ghi bổ sung đăng ký lần đầu ngày ... tháng ... năm..., thay đổi lần (gần nhất) ngày ... tháng ... năm... (nếu có)

⁴ Ghi bổ sung đăng ký lần đầu ngày ... tháng ... năm..., thay đổi lần (gần nhất) ngày ... tháng ... năm... (nếu có)

⁵ Như trên

⁶ Tóm tắt vụ việc, khiếu nại của bên khiếu nại hoặc của cơ quan quản lý cạnh tranh trong trường hợp vụ việc cạnh tranh do cơ quan quản lý cạnh tranh tự mình phát hiện và điều tra; đề nghị của bên bị điều tra (nếu có); đề nghị, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có)

⁷ Sử dụng trong trường hợp có hơn 1 cá nhân/tổ chức vi phạm; đánh số thứ tự 2,3,4... cho các cá nhân/tổ chức bị xử lý này

⁸ Chỉ ghi một hình thức xử phạt chính được áp dụng (cảnh cáo hoặc phạt tiền)

⁹ Chọn một hay nhiều biện pháp khắc phục nếu có

¹⁰ Sử dụng trong trường hợp có hơn 1 cá nhân/tổ chức không vi phạm; đánh số thứ tự 2,3,4... cho các cá nhân/tổ chức không bị xử lý này; ghi rõ các thông tin nêu tại khoản 1 Điều 2

¹¹ Theo quy định hiện hành

¹² Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp vi phạm bị áp dụng biện pháp xử phạt bổ sung hoặc biện pháp khắc phục hậu quả như: thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/tước các giấy phép/chứng chỉ hành nghề; buộc cơ cấu lại doanh nghiệp lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, chia, tách doanh nghiệp đã sáp nhập/hợp nhất hoặc buộc bán lại phần doanh nghiệp đã mua

MẪU SỐ 11

**BIÊN BẢN BIỂU QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG
XỬ LÝ VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH**

**HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC
HẠN CHẾ CẠNH TRANH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm ...

**BIÊN BẢN BIỂU QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG
XỬ LÝ VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH**

Vàohội.....giờ.....ngày.....tháng.....năm....., tại
....., Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh
đã tiến hành thảo luận, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín đối với vụ việc cạnh
tranh mã số

Với thành phần gồm có:

Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh:

Các thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh:

1.
2.
3.
4.

Trên cơ sở các chứng cứ và tài liệu đã được thảo luận, sau khi xem xét đầy đủ
và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, bên khiếu
nại, bên bị điều tra và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xử lý vụ việc hạn
chế cạnh tranh đã tiến hành biểu quyết¹ và thu được kết quả như sau:

BIỂU QUYẾT:

I. NỘI DUNG BIỂU QUYẾT

1. Đình chỉ hoặc xử lý vụ việc cạnh tranh (nếu có):

Đình chỉ giải quyết vụ việc cạnh tranh:/.....

Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh:/.....

2. Về hành vi vi phạm (nếu có)

Kết quả biểu quyết:

¹ Chọn một hay nhiều vấn đề biểu quyết